# Review 2

**Giải Tiếng Anh lớp 12 Review 2 - ILearn Smart World**  
**Listening (trang 61 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**You will hear five short conversations. You will hear each conversation twice. There is one question for each conversation. For each question, choose the correct answer (A, B, or C).** (Bạn sẽ nghe thấy năm đoạn hội thoại ngắn. Bạn sẽ nghe mỗi cuộc trò chuyện hai lần. Có một câu hỏi cho mỗi cuộc trò chuyện. Với mỗi câu hỏi, hãy chọn câu trả lời đúng (A, B hoặc C).  
CD1-78  
1. Two students are talking about which university to attend. What doesn't the university offer?  
A. counselors  
B. many events  
C. research opportunities  
2. A boy is talking to his mom. What does the mom say is a bad thing about being an interior designer?  
A. many projects  
B. bad customers  
C. stress  
3. A girl is talking to her grandfather. What class does the grandfather take to remember his wife?  
A. gardening  
B. baking  
C. dance  
4. Two students are talking about study tips. What can they find on the websites their teachers suggested?  
A. free tutorials  
B. visual aids  
C. essay models  
5. Two students are talking about future jobs. What will Jane do?  
A. open her own business  
B. work at a spa  
C. work for her mom  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. B  
  
  
2. C  
  
  
3. C  
  
  
4. A  
  
  
5. B  
  
  
  
  
**Nội dung bài nghe:**  
1.  
Student 1: Have you thought about which university you want to attend?  
Student 2: Yeah, but I haven't really decided yet. I'm looking at places that have opportunities to carry out research.  
Student 1: Me too. And I think it'll be really useful if there are counselors to talk to.  
Student 2: The university I'm looking at has both of those. But it doesn't usually put on many events.  
Student 1: I don't mind that. Can you send the information to me?  
Student 2: Sure.  
2.   
Boy: Do you think being an interior designer is a good job?  
Mom: Yes, you could work on many projects like homes, offices and schools. That'll make the job interesting.  
Boy: That's true. What about the bad things?  
Mom: Well, it could be stressful. You know, your customers could have lots of requests and it isn't easy to make everyone happy.  
3.   
Girl: Hi, grandpa. How was your day?  
Grandfather: It was great. I just finished my first dance class.  
Girl: Hmm. I thought you’re taking a gardening class.  
Grandfather: I am but that's in the morning.  
Girl: Oh, you do a lot.  
Grandfather: Yes, well, your grandma had a passion for dancing and always wanted me to dance with her. But I was always too busy. I want to do this to remember her.  
Girl: That's so sweet of you.  
4.   
Student 1: Hey, how was your talk with Mrs. Brown?  
Student 2: It was good. She said my essay was better and also gave me some study tips.  
Student 1: Cool. What did she say?  
Student 2: She told me to check out some websites with free tutorials. She also gave me some suggestions to make better visual aids. I'll send you a picture of my notes.  
Student 1: Thanks a lot.  
5.   
Friend: Have you thought about your future career, Jane?  
Jane: Yes, I want to be a beautician.  
Friend: Nice, I think you’ll be a great beautician.  
Jane: Thanks. I need to take some courses since there's so much to learn. And my mom said if I want to open my own business, she’ll help me but I'm going to work at a spa first to get some experience.  
Friend: That's a good plan.  
**Hướng dẫn dịch:**  
1.  
Học sinh 1: Bạn đã nghĩ xem mình muốn theo học trường đại học nào chưa?  
Học sinh 2: Ồ, tớ vẫn chưa thực sự quyết định. Tớ đang tìm kiếm những nơi có cơ hội thực hiện nghiên cứu.  
Học sinh 1: Tớ cũng vậy. Và tớ nghĩ sẽ rất hữu ích nếu có người tư vấn để trò chuyện.  
Học sinh 2: Trường đại học mà tớ đang tìm kiếm có cả hai điều đó. Nhưng nó thường không tổ chức nhiều sự kiện.  
Học sinh 1: Tớ không bận tâm điều đó. Bạn có thể gửi thông tin cho tớ được không?  
Học sinh 2: Chắc chắn rồi.  
2.  
Cậu bé: Mẹ có nghĩ nghề thiết kế nội thất là một công việc tốt không ạ?  
Mẹ: Có, con có thể làm việc ở nhiều dự án như nhà ở, văn phòng và trường học. Điều đó sẽ làm cho công việc trở nên thú vị.  
Cậu bé: Đúng vậy. Còn những điểm xấu thì sao ạ?  
Mẹ: Ừ, có thể sẽ căng thẳng đấy. Con biết đấy, khách hàng của con có thể có rất nhiều yêu cầu và không dễ để làm hài lòng tất cả mọi người.  
3.  
Cô gái: Cháu chào ông nội. Ngày của ông thế nào ạ?  
Ông: Tuyệt. Ông vừa hoàn thành lớp học khiêu vũ đầu tiên của mình.  
Cô gái: Ừm. Cháu tưởng ông đang tham gia lớp học làm vườn mà.  
Ông: Đúng vậy nhưng đó là vào buổi sáng.  
Cô gái: Ồ, ông bận rộn quá.  
Ông: Ừ, bà của cháu đam mê khiêu vũ và luôn muốn ông khiêu vũ cùng bà. Nhưng ông luôn quá bận rộn. Ông muốn làm điều này để tưởng nhớ bà ấy.  
Cô gái: Ông thật ngọt ngào.  
4.  
Học sinh 1: Này, cuộc nói chuyện của bạn với cô Brown thế nào rồi?  
Học sinh 2: Nó ổn. Cô ấy nói bài luận của tớ hay hơn và còn cho tớ một số mẹo học tập.  
Học sinh 1: Tuyệt vời. Cô ấy đã nói gì?  
Học sinh 2: Cô ấy bảo tớ hãy xem một số trang web có hướng dẫn miễn phí. Cô ấy cũng gợi ý cho tớ tạo ra các công cụ hỗ trợ trực quan tốt hơn. Tớ sẽ gửi cho bạn hình ảnh ghi chú của tớ.  
Học sinh 1: Cảm ơn rất nhiều.  
5.  
Bạn: Bạn đã nghĩ tới nghề nghiệp tương lai của mình chưa, Jane?  
Jane: Rồi, tớ muốn trở thành một chuyên viên thẩm mỹ.  
Người bạn: Tuyệt, tớ nghĩ bạn sẽ là chuyên viên thẩm mỹ giỏi.  
Jane: Cảm ơn. Tớ cần phải tham gia một số khóa học vì có quá nhiều thứ để học. Và mẹ tớ nói nếu tớ muốn mở cơ sở kinh doanh riêng, bà sẽ giúp tớ nhưng trước tiên tớ sẽ phải làm việc ở một spa để tích lũy kinh nghiệm.  
Người bạn: Đó là một kế hoạch tốt.  
  
**Reading (trang 61 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**Read the text about study tips. Choose the correct answer (A, B, C, or D).** (Đọc văn bản về lời khuyên học tập. Chọn câu trả lời đúng (A, B, C hoặc D).  
**Improve Your Study Skills**  
Studying can be a stressful task, especially if you have an important test coming up. However, there are many effective study tips that can help you (1) \_\_\_\_\_\_\_ information more easily.  
**1. Create a study schedule:** It can be helpful to create a schedule that includes what you need to study and when. This will help you stay organized and stop you from feeling (2) \_\_\_\_\_\_\_.  
**2. Use active studying techniques:** Don't just read through your materials. Use active techniques like note-taking, summarizing, and testing yourself. A good way to help you retain information better is to create both visual and audio (3) \_\_\_\_\_\_\_ yourself.  
**3. Find a study group or partner:** Studying with others can help you stay (4) \_\_\_\_\_\_\_ because they can cheer you up when you want to give up. You can also help each other when one of you doesn't understand something.  
**4. Take breaks:** Don't study for hours without taking a break because it'll only make it harder to learn new things. Take a few minutes to rest your mind every thirty minutes.  
**5. Get enough sleep:** Your brain needs rest to effectively retain information. Make sure you get enough sleep to help your brain (5) \_\_\_\_\_\_\_ the materials you've studied.  
These tips are effective and easy to do. By following these study tips, you can improve your learning.  
1. A. retain B. require C. help out D. stock  
2. A. competitive B. discouraged C. visual D. audio  
3. A. books B. videos C. certificates D. aids  
4. A. safe B. updated C. motivated D. open  
5. A. process B. think C. develop D. put  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. A  
  
  
2. B  
  
  
3. D  
  
  
4. C  
  
  
5. A  
  
  
  
  
**Giải thích:**  
1. retain sth: ghi nhớ cái gì đó  
2. discouraged (adj): chán nản  
3. visual and audio aids (n): các công cụ hỗ trợ bằng hình ảnh và âm thanh  
4. stay motivated: duy trì động lực  
5. process sth (v): xử lý cái gì đó (thông tin,…)  
**Hướng dẫn dịch:**  
**Cải thiện các kỹ năng học tập của bạn**  
Việc học có thể là một việc căng thẳng, đặc biệt nếu bạn sắp có một bài kiểm tra quan trọng. Tuy nhiên, có rất nhiều mẹo học tập hiệu quả có thể giúp bạn ghi nhớ thông tin dễ dàng hơn.  
**1. Tạo lịch học:** Có thể hữu ích nếu bạn tạo một lịch trình bao gồm những gì bạn cần học và thời gian học. Điều này sẽ giúp bạn luôn có tổ chức và không cảm thấy chán nản.  
**2. Sử dụng các kỹ thuật học tập chủ động:** Đừng chỉ đọc qua tài liệu. Hãy sử dụng các kỹ thuật chủ động như ghi chú, tóm tắt và tự kiểm tra. Một cách tốt để giúp bạn ghi nhớ thông tin tốt hơn là tự mình tạo ra cả công cụ hỗ trợ bằng hình ảnh và âm thanh.  
**3. Tìm một nhóm học tập hoặc bạn học:** Học cùng nhiều người khác có thể giúp bạn duy trì động lực vì họ có thể cổ vũ bạn bạn đứng dậy khi bạn muốn bỏ cuộc. Các bạn cũng có thể giúp đỡ lẫn nhau khi một trong hai không hiểu điều gì đó.  
**4. Nghỉ giải lao:** Đừng học hàng giờ liền mà không nghỉ ngơi vì điều đó sẽ chỉ khiến việc học những điều mới trở nên khó khăn hơn. Hãy dành vài phút để thư giãn đầu óc sau mỗi ba mươi phút.  
**5. Ngủ đủ giấc:** Não của bạn cần được nghỉ ngơi để ghi nhớ thông tin một cách hiệu quả. Hãy đảm bảo bạn ngủ đủ giấc để giúp não xử lý các tài liệu bạn đã học.  
Những lời khuyên này rất hiệu quả và dễ thực hiện. Bằng cách làm theo những lời khuyên học tập này, bạn có thể cải thiện việc học của mình.  
  
**Vocabulary** **(phần a->b trang 62 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Fill in the blanks using the words in the box. There are two extra words which you do not need to use.** (Điền vào chỗ trống bằng cách sử dụng các từ trong khung. Có hai từ thừa mà bạn không cần sử dụng.)  
  
  
  
  
  
entrepreneurs physical therapists voluntary reward satisfaction  
  
  
  
  
  
1. The extra activities are completely \_\_\_\_\_\_\_. About 35% of our students choose to attend them.  
2. Most \_\_\_\_\_\_\_ find that they had to work really hard when their businesses first started.  
3. We're going to \_\_\_\_\_\_\_ her for her hard work by taking her on a trip.  
**Đáp án:**  
1. voluntary  
2. entrepreneurs  
3. reward  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Các hoạt động ngoại khóa là hoàn toàn tự nguyện. Khoảng 35% sinh viên của chúng tôi chọn tham gia.  
2. Hầu hết các doanh nhân đều thấy rằng họ đã phải làm việc rất chăm chỉ khi doanh nghiệp của họ mới bắt đầu.  
3. Chúng tôi sẽ thưởng cho sự chăm chỉ của cô ấy bằng cách đưa cô ấy đi du lịch.  
**b. Fill in the blanks with the words from Unit 5. The first letter is already there.** (Điền vào chỗ trống các từ ở Bài 5. Chữ cái đầu tiên đã có sẵn rồi.)  
1. I was very d\_\_\_\_\_\_\_\_ when I failed the test. I was sad and didn't want to continue the course.  
2. The boy needs to practice his s\_\_\_\_\_\_\_\_. He gives up whenever he can't solve a problem.  
3. It takes time and effort to a\_\_\_\_\_\_\_\_ necessary knowledge and skills for this job, so be patient.  
**Đáp án:**  
1. discouraged  
2. self-discipline  
3. acquire  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Tôi rất chán nản khi trượt bài kiểm tra. Tôi buồn và không muốn tiếp tục khóa học.  
2. Cậu bé cần rèn luyện tính kỷ luật tự giác. Cậu ta bỏ cuộc bất cứ khi nào không thể giải quyết được vấn đề.  
3. Cần bỏ thời gian và công sức để có được kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc này, vì vậy hãy kiên nhẫn.  
  
**Grammar (phần a->b trang 62 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Report the information below.** (Thuật lại các thông tin dưới đây.)  
1. Mr. Lewis to me: "Set a goal and create a plan for achieving it."  
2. Mrs. Thompson to John: "You shouldn't be afraid to change your career."  
3. Susan to Ms. Miller: "Could you discuss my career options with me?"  
**Đáp án:**  
1. Mr. Lewis told me to set a goal and create a plan for achieving it.  
2. Mrs. Thompson advised John not to be afraid to change his career.  
3. Susan asked Ms. Miller to discuss her career options with her.  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Ông Lewis nói với tôi: “Hãy đặt mục tiêu và lập kế hoạch để đạt được mục tiêu đó”.  
 Ông Lewis bảo tôi hãy đặt mục tiêu và lập kế hoạch để đạt được mục tiêu đó.  
2. Bà Thompson nói với John: "Cháu đừng ngại thay đổi nghề nghiệp của mình."  
 Bà Thompson khuyên John đừng ngại thay đổi nghề nghiệp.  
3. Susan nói với cô Miller: "Cô có thể thảo luận với em về các lựa chọn nghề nghiệp của em được không?"  
 Susan yêu cầu cô Miller thảo luận về các lựa chọn nghề nghiệp với cô ấy.  
**b. Choose the correct words.** (Chọn từ thích hợp.)  
1. You \_\_\_\_\_\_\_\_ make a lot of money if you become a banker.  
A. could  
B. haven't  
C. didn't  
2. I need to \_\_\_\_\_\_\_\_ which university I want to attend.  
A. deal with  
B. figure out  
C. fill out  
3. \_\_\_\_\_\_\_\_ I was little, I wanted to become an editor like my mom.  
A. Before  
B. If  
C. When  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. A  
  
  
2. B  
  
  
3. C  
  
  
  
  
**Giải thích:**  
1. Cấu trúc câu điều kiện loại 1: If + S + V (hiện tại đơn) + O, S + can/could + V + O.  
“Could” ở đây diễn tả khả năng hoặc kết quả có thể xảy ra.   
2. Kiến thức cụm từ:  
- deal with sth: giải quyết chuyện gì đó  
- figure out sth: xác định điều gì đó → phù hợp ngữ cảnh  
- fill out sth: điền vào cái gì đó  
3. Cả 2 vế đều ở thì Quá khứ đơn → sử dụng ‘when’  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Bạn có thể kiếm được rất nhiều tiền nếu trở thành nhân viên ngân hàng.  
2. Tôi cần xác định xem mình muốn theo học trường đại học nào.  
3. Khi còn nhỏ, tôi muốn trở thành biên tập viên giống mẹ.  
  
**Pronunciation (phần a->b trang 62 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Circle the word that differs from the other three in the position of primary stress in each of the following questions.** (Khoanh tròn từ khác với ba từ còn lại ở vị trí trọng âm chính trong mỗi câu hỏi sau.)  
1. A. acquire B. pressure C. expand D. pursue  
2. A. analysis B. tutorial C. interior D. satisfaction  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. B  
  
  
2. D  
  
  
  
  
**Giải thích:**  
1.  
A. acquire /əˈkwaɪər/ (v): đạt được  
B. pressure /ˈpreʃ.ər/ (n): áp lực  
C. expand /ɪkˈspænd/ (v): mở rộng  
D. pursue /pəˈsjuː/ (v): theo đuổi   
Đáp án B trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất, còn lại trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2.  
Chọn B.  
2.  
A. analysis /əˈnæl.ə.sɪs/ (n): phân tích  
B. tutorial /tʃuːˈtɔː.ri.əl/ (n): hướng dẫn  
C. interior /ɪnˈtɪə.ri.ər/ (adj): bên trong  
D. satisfaction /ˌsæt.ɪsˈfæk.ʃən/ (n): sự hài lòng   
Đáp án D trọng âm rơi vào âm tiết thứ 3, còn lại trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2.  
Chọn D.  
**b. Circle the word that has the underlined part pronounced differently from the others.** (Khoanh tròn từ có phần gạch chân phát âm khác với những từ còn lại.)  
1. A. pssion B. rewrd C. ctivity D. demnd  
2. A. rgister B. ditor C. comptitive D. rinforce  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. B  
  
  
2. D  
  
  
  
  
**Giải thích:**  
1.  
A. pssion /ˈpæʃ.ən/ (n): đam mê  
B. rewrd /rɪˈwɔːd/ (v): thưởng  
C. ctivity /ækˈtɪv.ə.ti/ (n): hoạt động  
D. demnd /dɪˈmænd/ (v): yêu cầu  
Đáp án B phần gạch chân được phát âm là /ɔː/, còn lại phát âm là /æ/.  
Chọn B.  
2.  
A. rgister /ˈredʒ.ɪ.stər/ (v): đăng ký  
B. ditor /ˈed.ɪ.tər/ (n): biên tập viên   
C. comptitive /kəmˈpet.ɪ.tɪv/ (adj): cạnh tranh   
D. rinforce /ˌriː.ɪnˈfɔːs/ (v): củng cố   
Đáp án D phần gạch chân được phát âm là /i:/, còn lại phát âm là /e/.  
Chọn D.  
  
**Speaking (phần a->c trang 62 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. In groups of 2-4: Talk about what you want to do after graduating from high school.** (Theo nhóm 2-4: Nói về việc các em muốn làm sau khi tốt nghiệp trung học.)  
**Gợi ý:**  
After graduating from high school, I want to pursue a degree in computer science and specialize in artificial intelligence. I am passionate about technology and innovation, and I believe that studying computer science will provide me with the skills and knowledge to contribute to advancements in AI research and development. Additionally, I plan to participate in internships and research projects to gain practical experience in the field. Ultimately, my goal is to work as a software engineer or AI specialist in a cutting-edge tech company, where I can continue learning and making a positive impact through technology.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Sau khi tốt nghiệp trung học, tôi muốn theo học ngành khoa học máy tính và chuyên về trí tuệ nhân tạo. Tôi đam mê công nghệ và đổi mới, đồng thời tôi tin rằng việc học về khoa học máy tính sẽ cung cấp cho tôi những kỹ năng và kiến thức để đóng góp vào những tiến bộ trong nghiên cứu và phát triển AI. Ngoài ra, tôi dự định tham gia các dự án thực tập và nghiên cứu để tích lũy kinh nghiệm thực tế trong lĩnh vực này. Cuối cùng, mục tiêu của tôi là trở thành kỹ sư phần mềm hoặc chuyên gia AI trong một công ty công nghệ tiên tiến, nơi tôi có thể tiếp tục học hỏi và tạo ra tác động tích cực thông qua công nghệ.  
**b. Discuss the advantages and disadvantages of doing what you want to do after high school.** (Thảo luận về những lợi thế và bất lợi của việc làm những gì bạn muốn làm sau khi tốt nghiệp trung học.)  
**Gợi ý:**  
Computer science has some advantages.  
- First, computer science professionals are in high demand across various industries, including technology, finance, healthcare, and entertainment. The rapid advancement of technology has created a constant need for skilled computer scientists.  
- Second, careers in computer science often come with high earning potential. Professionals with expertise in areas such as software engineering, data science, and artificial intelligence can command competitive salaries and lucrative job offers.  
- Third, computer science is a dynamic field that fosters innovation and creativity. Professionals have the opportunity to develop new technologies, solve complex problems, and make significant contributions to society through their work.  
However, this job meets lots of bad sides.  
- While the demand for computer science professionals is high, so is the competition. The field attracts talented individuals from around the world, making it challenging to stand out and secure top positions.  
- The fast-paced nature of technology means that skills and knowledge can quickly become outdated. Professionals must continually adapt to new technologies and trends to remain relevant in the field.  
- Deadlines, project demands, and troubleshooting issues can lead to long hours and high levels of stress for computer science professionals, especially in fast-paced industries like software development.  
Overall, pursuing a career in computer science offers many exciting opportunities for growth, innovation, and financial reward. However, it's essential to consider both the advantages and challenges of the field when making career decisions.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Khoa học máy tính có một số lợi thế.  
- Thứ nhất, các chuyên gia khoa học máy tính đang có nhu cầu cao ở nhiều ngành khác nhau, bao gồm công nghệ, tài chính, chăm sóc sức khỏe và giải trí. Sự tiến bộ nhanh chóng của công nghệ đã tạo ra nhu cầu liên tục về các nhà khoa học máy tính có tay nghề cao.  
- Thứ hai, nghề nghiệp trong lĩnh vực khoa học máy tính thường có tiềm năng thu nhập cao. Các chuyên gia có chuyên môn trong các lĩnh vực như công nghệ phần mềm, khoa học dữ liệu và trí tuệ nhân tạo có thể yêu cầu mức lương cạnh tranh và lời mời làm việc sinh lợi.  
- Thứ ba, khoa học máy tính là lĩnh vực năng động, thúc đẩy đổi mới, sáng tạo. Các chuyên gia có cơ hội phát triển công nghệ mới, giải quyết các vấn đề phức tạp và đóng góp đáng kể cho xã hội thông qua công việc của họ.  
Tuy nhiên, công việc này gặp nhiều mặt trái.  
- Trong khi nhu cầu về các chuyên gia khoa học máy tính cao thì sự cạnh tranh cũng cao. Lĩnh vực này thu hút những cá nhân tài năng từ khắp nơi trên thế giới, khiến việc nổi bật và đảm bảo đứng ở vị trí hàng đầu trở nên khó khăn.  
- Bản chất phát triển nhanh chóng của công nghệ đồng nghĩa với việc các kỹ năng và kiến thức có thể nhanh chóng trở nên lỗi thời. Các chuyên gia phải liên tục thích ứng với các công nghệ và xu hướng mới để duy trì sự phù hợp trong lĩnh vực này.  
- Thời hạn, nhu cầu của dự án và các vấn đề khắc phục sự cố có thể dẫn đến thời gian làm việc kéo dài và mức độ căng thẳng cao đối với các chuyên gia khoa học máy tính, đặc biệt là trong các ngành có nhịp độ phát triển nhanh như phát triển phần mềm.  
Nhìn chung, theo đuổi sự nghiệp khoa học máy tính mang lại nhiều cơ hội thú vị để phát triển, đổi mới và phần thưởng tài chính. Tuy nhiên, điều cần thiết là phải xem xét cả những lợi thế và thách thức của lĩnh vực này khi đưa ra quyết định nghề nghiệp.  
**c. Tell another group your ideas.** (Nói với nhóm khác ý tưởng của bạn.)  
(Học sinh tự thực hành.)  
  
**Writing (phần a->c trang 62 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. In pairs: Check one of your partner's final writing passages for Units 4-5 using Feedback forms from the lessons.** (Theo cặp: Kiểm tra một trong những đoạn viết cuối cùng của bạn trong Bài 4-5 bằng cách sử dụng biểu mẫu Phản hồi từ các bài học.)  
(Học sinh tự thực hành.)  
**b. Make a list of things you need to remember for your future writing.** (Lập danh sách những điều bạn cần ghi nhớ cho bài viết sau này của mình.)  
(Học sinh tự thực hành.)  
**c. Compare your list with another group and add anything you think is useful.** (So sánh danh sách của bạn với một nhóm khác và thêm bất cứ điều gì bạn cho là hữu ích.)  
(Học sinh tự thực hành.)  
**Xem thêm các bài giải SGK Tiếng Anh 12 sách ILearn Smart World hay, chi tiết khác:**  
Unit 6: Cultural Diversity  
Unit 7: Urbanization  
Unit 8: The Media  
Review 3  
Unit 9: The Green Environment